

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2019/DS-ST

Ngày: 16-8-2019.

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài
sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Bích Thơ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Ngô Văn Khon

2. Võ Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Không.

Trong các ngày 31 tháng 7 và ngày 16 tháng 8 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 232/2019/TLST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp dân sự hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2019/QĐXX-ST ngày 18 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2019/QĐST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Thanh P, sinh năm: 1977;

Nơi cư trú: Khóm B, thị trấn T, huyện B, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền là chị Lê Thị Thùy T, sinh năm: 1983;

Nơi cư trú: Ấp 3, xã L, huyện B, tỉnh Đồng Tháp, theo Văn bản ủy quyền ngày 19/7/2019.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đức H, sinh năm: 1988;

Nơi cư trú: Số 105 C, khóm T, thị trấn B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn anh H vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/4/2019, bản khai ngày 09/7/2019 của anh Trần Thanh P; Biên bản hòa giải ngày 21/6/2019, ngày 09/7/2019 và trong quá trình xét xử:

*** Nguyên đơn anh Trần Thanh P trình bày:** Vào ngày 04/11/2018 anh Nguyễn Đức H có đến Cửa hàng Thanh Phú 2 của anh tại khóm B, thị trấn T để mua 01 máy

lạnh hiệu Aqua KRV9 và 01 máy giặt hiệu Electronic 12942, với tổng giá trị tài sản là 18.790.000đ, anh H trả trước số tiền là 6.990.000đ, còn nợ lại số tiền 11.800.000đ.

Căn cứ Hợp đồng mua bán số 04112018, ngày 04/11/2018 giữa anh Trần Thanh P và anh Nguyễn Đức H về việc anh H mua tài sản nêu trên và còn nợ lại số tiền 11.800.000đ, anh P cho anh H trả góp thời hạn là 06 tháng, mỗi tháng trả 1.966.000đ, thời gian bắt đầu trả là ngày 04/12/2018 hết hạn trả là ngày 04/5/2019.

Sau khi ký hợp đồng anh P đã giao hàng đầy đủ cho anh H, căn cứ pH giao hàng ngày 04/11/2018 có chữ ký người nhận hàng của anh H. Anh H có trả cho anh được 01 tháng vào ngày 04/12/2018 với số tiền là 1.966.000đ, từ tháng 01/2019 đến nay anh H không có trả góp đúng theo hợp đồng mua bán nêu trên, còn nợ số tiền 9.834.000đ.

Nay anh P yêu cầu anh H trả lại số tiền còn nợ là 9.834.000đ (*Chín triệu tám trăm ba mươi bốn nghìn đồng*), không yêu cầu tính lãi.

* Bị đơn anh Nguyễn Đức H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh H không cung cấp văn bản ý kiến về việc yêu cầu khởi kiện của anh P, cũng như tham dự phiên họp, hòa giải nên Tòa án không thu thập lời khai, ý kiến của anh H về việc yêu cầu khởi kiện của anh P.

Tại phiên tòa chị Lê Thị Thùy T, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Trần Thanh P trình bày: Trong thời gian thực hiện hợp đồng anh H có trả được số tiền sau: Ngày 04/12/2018 trả 1.966.000đ, tháng 5/2019 trả 2.000.000đ, tháng 7/2019 trả 1.966.000đ, tổng cộng anh H đã trả được 03 lần với số tiền là 5.932.000đ, còn nợ lại số tiền 5.868.000đ. Nay yêu cầu anh Nguyễn Đức H trả lại số tiền 5.868.000đ, không yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1.] Về thẩm quyền giải quyết: Do tranh chấp giữa cá nhân và cá nhân, anh H hiện nay đăng ký hộ khẩu thường trú ở thị trấn T, huyện B, tỉnh Đồng Tháp, nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nơi bị đơn cư trú, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự

[1.2.] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ Hợp đồng mua bán tài sản ngày 04/11/2018, anh P khởi kiện yêu cầu anh H trả lại số tiền còn nợ là 5.868.000đ (*Năm triệu, tám trăm sáu mươi tám nghìn đồng*), vì cho rằng anh H vi phạm hợp đồng nên làm phát sinh tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về pháp luật áp dụng: Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản phát sinh vào năm 2018, nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

[1.4] Về việc vắng mặt bị đơn: Tại phiên tòa hôm nay anh H vắng mặt lần thứ hai, Hội đồng xét xử xét thấy anh H đã được triệu tập hợp lệ đúng theo quy định, nhưng anh H vẫn vắng mặt, không có lý do. Nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn theo địa chỉ bị đơn ghi trong hợp đồng mua bán, tòa án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp cho anh H, chị Nguyễn Thị Ngọc là vợ và bà Trần Thị Hồng là mẹ anh H nhận thay và cam kết giao lại cho anh H, nhưng anh H không đến Tòa án tham dự phiên hòa giải, cũng như phiên tòa, đã chứng minh được bị đơn cố tình vắng mặt, không có ý kiến đề bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H là phù hợp và đúng theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 và điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1.] Anh Trần Thanh P khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Đức H trả lại số tiền còn nợ là 5.868.000đ (*Năm triệu, tám trăm sáu mươi tám nghìn đồng*) là có cơ sở chấp nhận, căn cứ vào hợp đồng mua bán ngày 04/11/2018 và pH giao hàng ngày 04/11/2018, việc anh P có bán tài sản cho anh H là có thật đã xảy ra, anh H đã nhận đủ tài sản, nhưng không thực hiện đúng theo thỏa thuận hợp đồng mua bán tài sản về việc trả góp số tiền còn nợ. Từ khi nhận tài sản cho đến nay anh H trả được số tiền 1.966.000đ (ngày 04/12/2018), trả 2.000.000đ (tháng 5/2019), trả 1.966.000đ (tháng 7/2019), tổng cộng anh H đã trả được 03 lần với số tiền là 5.932.000đ. Hợp đồng mua bán tài sản đã hết hạn ngày 04/5/2019 đến nay anh H không trả góp đủ số tiền nợ cho anh P nên đã vi phạm hợp đồng mua bán tài sản ngày 04/11/2018, hiện nay còn nợ số tiền 5.868.000đ. Do vậy yêu cầu khởi kiện của anh P là có cơ sở chấp nhận nên buộc anh H trả lại số tiền còn nợ là 5.868.000đ (*Năm triệu, tám trăm sáu mươi tám nghìn đồng*) là phù hợp với quy định tại Điều 430, 440 BLDS năm 2015.

[2.2.] Do anh H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, anh H không có văn bản trình bày ý kiến về việc khởi kiện của anh P, cũng như cung cấp chứng cứ chứng minh về việc có nợ của anh P hay không, nên Hội đồng xét xử không xem xét ý kiến hay yêu cầu của anh H đối với số tiền nợ nêu trên.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

- Bị đơn anh Nguyễn Đức H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn anh Trần Thanh P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 430, 440, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 26, điểm b, khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thanh P đối với anh Nguyễn Đức H.

Buộc anh Nguyễn Đức H có trách nhiệm cá nhân trả lại cho anh Trần Thanh P số tiền còn nợ 5.868.000đ (*Năm triệu, tám trăm sáu mươi tám nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

- Anh Nguyễn Đức H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Trần Thanh P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho anh P toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 271.000đ (*Hai trăm bảy mươi một nghìn đồng*) theo biên lai số BH/2017- 0009381 ngày 19/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 16/8/2019). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình;
- Chi cục THA DS huyện Thanh Bình;
- Tòa án ND tỉnh Đồng Tháp;
- Cổng thông tin Điện tử Tòa án;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lý Thị Bích Thơ